073233.25

VIB
Ngân hàng Quốc Tế

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM

Số: 073233.25

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu

1.0 Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam
- Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng số 23/GP-NHNN ngày 19.09.2022 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp thay thế Giấy phép thành lập và hoạt động số 95/GP-NHNN ngày 28.09.2018 và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tiên, tức ngày 25.01.1996, được sửa đổi bởi Quyết định số 2616/QĐ-NHNN ngày 05.12.2024
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 028 6299 9039 Fax: 028 6299 9040 Email: vib@vib.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần
- Mã số thuế: 0100233488
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

• Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
• Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: Cho vay; Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; Bảo lãnh ngân hàng; Phát hành thẻ tín dụng; Bao thanh toán trong nước;
• Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
• Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: Cung ứng phương tiện thanh toán; Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
• Mở tài khoản: Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
• Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
• Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
• Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
• Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
• Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
• Dịch vụ môi giới tiền tệ;
• Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
• Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định;
- Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm: Sản phẩm hoán đổi lãi suất một đồng tiền (Interest rate swap); Sản phẩm hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền hoặc hoán đổi tiền tệ chéo (Cross currency swap); Sản phẩm lãi suất kỳ hạn (Forward rate agreement) và Sản phẩm quyền chọn lãi suất (Interest rate option);
- Mua nợ;
- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;
- Ví điện tử;
- Lưu ký chứng khoán;
- Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán;
- Ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán.

2.0 Mục đích sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu

- Căn cứ phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt tại các nghị quyết được nêu chi tiết dưới đây:

STT	Mã trái phiếu	Số Nghị quyết phê duyệt Phương án phát hành	Số Quyết định phê duyệt phát hành	Mục đích phát hành theo Phương án phát hành
Mục đích tăng vốn cấp 2: Hoạt động cho vay				
1	VIBBOND101924-001	032.19.1 ngày 22.04.2019	82792.19	Bổ sung vốn cấp 2, nhằm đáp ứng nhu cầu cấp tín dụng cho khách hàng của Ngân hàng
2	VIBL2330004	050.23.BOD ngày 28.09.2023	190621.23	Bổ sung vốn cấp 2 nhằm mục đích cho vay các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
3	VIBL2330005	050.23.BOD ngày 28.09.2023	201087.23	Bổ sung vốn cấp 2 nhằm mục đích cho vay các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
4	VIBL2431010	053.24.BOD ngày 06.12.2024	282273.24	Bổ sung vốn cấp 2 nhằm mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp

073233.25

VIB
Ngân hàng Quốc Tế

STT	Mã trái phiếu	Số Nghị quyết phê duyệt Phương án phát hành	Số Quyết định phê duyệt phát hành	Mục đích phát hành theo Phương án phát hành
5	VIBL2431010	053.24.BOD ngày 06.12.2024	282273.24	Bổ sung vốn cấp 2 nhằm mục đích cho vay các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
Mục đích khác theo pháp luật các tổ chức tín dụng: Hoạt động cho vay				
1	VIBL2124002	018.21.BOD ngày 16.03.2021	13010.21	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của VIB nhằm tăng cường cấp tín dụng cho các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
2	VIBL2124003	018.21.BOD ngày 16.03.2021	19169.21	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của VIB nhằm tăng cường cấp tín dụng cho các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
3	VIBL2125013	018.21.BOD ngày 16.03.2021	65633.21	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của VIB nhằm tăng cường cấp tín dụng cho các Khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
4	VIBL2125014	018.21.BOD ngày 16.03.2021	65846.21	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của VIB nhằm tăng cường cấp tín dụng cho các Khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
5	VIBL2125016	018.21.BOD ngày 16.03.2021	92169.21	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của VIB nhằm tăng cường cấp tín dụng cho các Khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
6	VIBL2125017	018.21.BOD ngày 16.03.2021	93136.21	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng cho

STT	Mã trái phiếu	Số Nghị quyết phê duyệt Phương án phát hành	Số Quyết định phê duyệt phát hành	Mục đích phát hành theo Phương án phát hành
				mục đích cho vay các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
7	VIBL2125018	018.21.BOD ngày 16.03.2021	97085.21	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
8	VIBL2125019	018.21.BOD ngày 16.03.2021	97876.21	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
9	VIBL2225002	010.22.BOD ngày 22.02.2022	013691.22	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của VIB nhằm tăng cường cấp tín dụng cho các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
10	VIBL2225003	010.22.BOD ngày 22.02.2022	022575.22	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của VIB nhằm tăng cường cấp tín dụng cho các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
11	VIBL2225005	010.22.BOD ngày 22.02.2022	058873.22	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của VIB nhằm tăng cường cấp tín dụng cho các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
12	VIBL2226001	010.22.BOD ngày 22.02.2022	013642.22	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của VIB nhằm tăng cường cấp tín dụng cho các Khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
13	VIBL2326001	050.23.BOD ngày 28.09.2023	152566.23	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của VIB

STT	Mã trái phiếu	Số Nghị quyết phê duyệt Phương án phát hành	Số Quyết định phê duyệt phát hành	Mục đích phát hành theo Phương án phát hành
				nhằm tăng cường cấp tín dụng cho các Khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
14	VIBL2326002	050.23.BOD ngày 28.09.2023	164183.23	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của VIB nhằm tăng cường cấp tín dụng cho các Khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
15	VIBL2326003	050.23.BOD ngày 28.09.2023	164332.23	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của VIB nhằm tăng cường cấp tín dụng cho các Khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
16	VIBL2427001	029.24.BOD ngày 05.07.2024	142128.24	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
17	VIBL2427002	029.24.BOD ngày 05.07.2024	168218.24	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
18	VIBL2427003	029.24.BOD ngày 05.07.2024	168355.24	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
19	VIBL2427004	029.24.BOD ngày 05.07.2024	189019.24	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
20	VIBL2427005	029.24.BOD ngày 05.07.2024	199576.24	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp

STT	Mã trái phiếu	Số Nghị quyết phê duyệt Phương án phát hành	Số Quyết định phê duyệt phát hành	Mục đích phát hành theo Phương án phát hành
21	VIBL2427006	029.24.BOD ngày 05.07.2024	203268.24	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
22	VIBL2427007	029.24.BOD ngày 05.07.2024	215650.24	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
23	VIBL2427008	029.24.BOD ngày 05.07.2024	267105.24	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
24	VIBL2427009	029.24.BOD ngày 05.07.2024	282145.24	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp

3.0 Tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu và tiến độ giải ngân số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp còn dư nợ:

Kỳ báo cáo: Năm 2024

STT	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu	Mã trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31.12.2023	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trong kỳ báo cáo (từ ngày 01.01.2024 đến ngày 31.12.2024	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31.12.2024
			Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)
I.	**Tăng vốn cấp 2**		**2.160.000.000.000**	**2.000.000.000.000**	**4.000.000.000.000**
1	Hoạt động cho vay				
1.1		VIBBOND101924-001	60.000.000.000	-	-
1.2		VIBBOND190515-01	100.000.000.000		
1.3		VIB23300004	1.210.000.000.000	-	1.210.000.000.000

073233.25

VIB
Ngân hàng Quốc Tế

STT	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu	Mã trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31.12.2023	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trong kỳ báo cáo (từ ngày 01.01.2024 đến ngày 31.12.2024	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31.12.2024
			Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)
1.4		VIB23300005	790.000.000.000	-	790.000.000.000
1.5		VIBL2431010	-	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
II.	**Mục đích khác theo pháp luật các tổ chức tín dụng**		**17.948.000.000.000**	**16.000.000.000.000**	**16.948.000.000.000**
1	Hoạt động cho vay				
1.1		VIBL2124002	1.500.000.000.000	-	-
1.2		VIBL2124003	1.000.000.000.000		
1.3		VIBL2125013	600.000.000.000		
1.4		VIBL2125014	400.000.000.000	-	-
1.5		VIBL2125016	1.000.000.000.000	-	-
1.6		VIBL2125017	850.000.000.000	-	-
1.7		VIBL2125018	500.000.000.000	-	-
1.8		VIBL2125019	650.000.000.000	-	-
1.9		VIBL2225002	2.000.000.000.000		
1.10		VIBL2225003	1.000.000.000.000		
1.11		VIBL2225005	1.000.000.000.000		
1.12		VIBL2226001	948.000.000.000	-	948.000.000.000
1.13		VIBL2326001	2.000.000.000.000	-	-
1.14		VIBL2326002	2.500.000.000.000	-	-
1.15		VIBL2326003	2.000.000.000.000	-	-
1.16		VIBL2427001	-	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
1.17		VIBL2427002	-	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
1.18		VIBL2427003	-	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
1.19		VIBL2427004	-	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
1.20		VIBL2427005	-	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
1.21		VIBL2427006	-	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
1.22		VIBL2427007	-	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
1.23		VIBL2427008	-	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000

073233.25

VIB
Ngân hàng Quốc Tế

STT	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu	Mã trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31.12.2023	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trong kỳ báo cáo (từ ngày 01.01.2024 đến ngày 31.12.2024	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31.12.2024
			Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)
1.24		VIBL2427009	-	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Tổng (I+II)			**20.108.000.000.000**	**18.000.000.000.000**	**20.948.000.000.000**

Ghi chú: Trong kỳ báo cáo, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam đã thực hiện các thủ tục mua lại các mã trái phiếu: VIBL2125013, VIBL2125014, VIBL2125016, VIBL2125017, VIBL2125018, VIBL2125019, VIBL2225002, VIBL2225003, VIBL2225005, VIBL2326001, VIBL2326002, VIBL2326003; đồng thời, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam cũng đã thực hiện tất toán với các mã trái phiếu đáo hạn: VIBBOND190515-01, VIBBOND101924-001, VIBL2124002, VIBL2124003.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của báo cáo nêu trên.

Người tổng hợp biểu
Giám đốc Phòng Thị trường vốn

Nguyễn Ngọc Thanh

TUQ. Tổng Giám đốc
Người được ủy quyền công bố thông tin

M.S.D.N: 0100233488-C.T
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Minh Huệ